**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HK 2 NH 2022-2023**

**MÔN TIN HỌC 11**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** **Trong ngôn ngữ lập trình Pascal,………….là dãy hữu hạn các phần tử cùng kiểu.**

**A.** Mảng một chiều

**B.** Mảng hai chiều

**C.** Xâu kí tự

**D.** Bản ghi

**Câu 2:** **Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, về mặt cú pháp câu lệnh nào sau đây là đúng:**

**A.** Var A= array [1..100] of integer;

**B.** Var A: array [1…100] of integer;

**C.** Var A: array [1..100] of interger;

**D.** Var A: array (1..100) of integer;

**Câu 3: Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, để in ra mảng vừa tạo, về mặt cú pháp câu lệnh nào là đúng:**

**A.** for i := 1 to n do write(A[i]:5); **B.** for i = 1 to n do write(‘A[i]:5’);

**C.** for i = 1 to n do write(A[i]:5); **D.** for i := 1 to n do write(‘A[i]’:5);

**Câu 4:** Ta có đoạn chương trình sau: (A là mảng số có N phần tử)

*S:=0;*

*For i:=1 to N do*

*If a[i]>0 then S:= S+A[i];*

Giả sử N=5 ta có mảng A như sau: 5 -1 -6 4 2, sau khi thực hiện thì kết quả bằng bao nhiêu

**A.** 7 **B.** 4

**C.** -7 **D.** 3

**Câu 5:** Với khai báo A: array[1..100] of integer; thì việc truy xuất đến phần tử thứ 5 là:

**A.** A(5) **B.** A5 **C.** A[5] **D.** A 5

**Câu 6:** Cách viết nào sau đây là đúng khi khai báo mảng một chiều?

**A.** Var <Kiểu phần tử>: array[kiểu chỉ số] of <tên biến mảng>;

**B.** Var <Array> of <kiểu phần tử>;

**C.** Var <tên biến mảng>: array[kiểu chỉ số] of <kiểu phần tử>;

**D.** Var <Kiểu chỉ số>: array[tên biến mảng] of <kiểu phần tử>;

**Câu 7: Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, đoạn chương trình sau thực hiện việc nào trong các việc sau:**  
 *S:=0;  
 For i:= 1 to n do S:=S+ A[i];*  
**A.** Tính tổng các phần tử của mảng một chiều;  
**B.** In ra màn hình mảng A;

**C.** Đếm số phần tử của mảng A;  
**D.** Tính tổng các phần tử dương trong mảng A;

**Câu 8:  Phát biểu nào dưới đây về kiểu mảng là phù hợp?**

**A.** Là một tập hợp các số nguyên;

**B.** Độ dài tối đa của mảng là 255;  
**C.** Là một dãy hữu hạn các phần tử cùng kiểu;

**D.** Mảng không thể chứa kí tự;

**Câu 9:** **Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, sau khi thực hiện đoạn chương trình sau, kết quả là xâu nào?**

*S:=’tin hoc’;*

*Delete(s,4,4);*

**A.** ‘hoc’

**B.** ‘ n hoc’

**C.** ‘tin ’

**D.** ‘tin’

**Câu 10:** **Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, sau khi thực hiện xong đoạn chương trình, giá trị của S là?**

*S1:= ‘tin hoc’;*

*S2:= ‘cau lac bo ’;*

*Insert(S1, S2,12);*

**A.** ‘tin hoccau lac bo’

**B.** ‘tin hoc cau lac bo’

**C .**‘Cau lac bo tin hoc’

**D.** ‘cau lac bo tin hoc’

**Câu 11:** **Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, xâu kí tự có tối đa:**

**A.** 8 kí tự

**B.** 16 kí tự

**C.** 256 kí tự

**D.** 255 kí tự

**Câu 12:** **Var s: string[20];** **Với khai báo trên; xâu có thể nhập tối đa bao nhiêu kí tự bao nhiêu?**

**A.** 255

**B.** 256

**C.** 20

**D.** Không giới hạn số lượng kí tự

**Câu 13:** **Hãy cho biết ký hiệu nào sau đây dùng để ghép nhiều xâu thành 1 xâu ?**

**A.** &

**B.** -

**C.** \*

**D.** +

**Câu 11:** **Cho S1 = 'abc'; S2 = ' deft'. Kết quả gọi thủ tục Insert (S2,S1,3) là:**

**A.** 'abdeftc'

**B.** 'abcfted'

**C.** 'eftcabd'

**D.** 'abcdeft'

**Câu 12: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào sai ?**

1. Xâu A lớn hơn xâu B nếu độ dài xâu A lớn hơn độ dài xâu B;
2. Xâu A lớn hơn xâu B nếu kí tự đầu tiên khác nhau giữa chúng kể tử trái sang trong xâu A có mã ASCII lớn hơn;
3. Nếu A và B là các xâu có độ dài khác nhau và A là đoạn đầu của B thì A nhỏ hơn B;
4. Hai xâu bằng nhau nếu chúng giống nhau hoàn toàn;

**Câu 13: Cho hai xâu s1=’c’ và xâu s2=’aaaaaaaaaaaa’. Xâu nào có độ dài lớn hơn?**

1. s2;
2. s1;
3. s1=s2 ;
4. Không xác định được;

**Câu 14: Cho hai xâu s1=’c’ và xâu s2=’aaaaaaaaaaaa’. So sánh xâu nào LỚN hơn?**

1. s1;
2. s2;
3. s1 = s2;
4. Không xác định được;

**Câu 15: Cho 2 xâu s1=’ab’ và s2=’efab cbab’. Hàm Pos(s1,s2) trả về kế quả là bao nhiêu:**

* 1. 1
  2. 8
  3. 3
  4. 2

**Câu 16: Hãy cho biết khai báo biến xâu nào sau đây là đúng?**

1. Var St:string[1..20];
2. Var St:string of Char;
3. Var St:string[10];
4. Var St:string[500];

**Câu 17: Thủ tục hay hàm nào sau đây viết sai cú pháp? (trong đó St,St1,St2 là các biến xâu).**

1. Length(St,5)
2. Copy(St,4,3)
3. Pos(St1,St2)
4. Upcase(St[5])

**Câu 18: Xét đoạn chương trình sau:**

*Var S: string;*

*Begin*

*S:= ‘tin hoc lop 11’;*

*S[1]:= Upcase(S[1]);*

*Write(St);*

*End.*

**Sau khi thực hiện đoạn chương trình trên thì xâu S có giá trị là:**

1. ‘tin Hoc Lop 11’
2. ‘Tin hoc lop 11’
3. ‘TIN HOC LOP 11’
4. ‘tin HOC LOP 11’

**Câu 19: Cho xâu S = ‘123456789’, sau khi thực hiện thủ tục Delets(S,3,4) thì:**

**A.** S = ‘1256789’;           **B.**  S = ‘12789’;               **C.** S = ‘123789’;  **D.** S = ‘’;

**Câu 20: Cho sâu s1 = ‘123’; s2 = ‘abc’ sau khi thực hiện thủ tục Insert(s1,s2,2) thì:**

**A.** s1 = ‘123’; s2 = ‘a123bc’                     **B.** s1 = ‘1abc23’; s2 = ‘abc’

**C.** s1 = ‘123’; s2 = ‘12abc’                       **D.** s1 = ‘ab123; s2 = ‘abc’

**Câu 21: Trong NNLT Pascal, để khai báo biến tệp văn bản ta phải sử dụng cú pháp:**

**A.** Var <tên biến tệp>:Text; **B.** Var <tên tệp>:Text;

**C.** Var <tên tệp>:string; **D.** Var <tên biến tệp>: string;

**Câu 22: Để gắn tệp KQ.TXT cho biến tệp f1, phương án nào sau đây là đúng?**

**A**. f1:= ‘KQ.TXT’;  **B.** Assign(f1, ‘KQ.TXT’);

**C.** KQ.TXT:= f1; **D.** Assign(‘KQ.TXT’, f1);

**Câu 23: Trong NNLT Pascal, mở tệp để ghi dữ liệu ta sử dụng lệnh:**

**A.** reset(<tên tệp>); **B.** reset(<tên biến tệp>);

**C.** rewrite(<tên tệp>); **D.** rewrite(<tên biến tệp>);

**Câu 24: Dữ liệu kiểu tệp:**

**A.** Được lưu trữ trên ROM **B.** Được lưu trữ trên RAM

**C.** Chỉ được lưu trữ trên đĩa cứng **D.** Được lưu trữ trên bộ nhớ ngoài

**Câu 25: Để thực hiện gán tên tệp cho biến tệp ta sử dụng câu lệnh:**

**A.** <tên biến tệp>:=<tên tệp>; **B.** <tên tệp>:=<tên biến tệp>;

**C.** assign(<tên biến tệp>, <tên tệp>); **D.** assign(<tên tệp>,<tên biến tệp>);

**Câu 26: Trong NNLT Pascal, mở tệp để đọc dữ liệu ta sử dụng lệnh:**

**A.** reset(<tên tệp>); **B.** rewrite(<tên biến tệp>);

**C.** rewrite(<tên tệp>); **D.** reset(<tên biến tệp>);

**Câu 27: Hãy chọn thứ tự hợp lí nhất khi thực hiện các thao tác đọc dữ liệu từ tệp?**

|  |
| --- |
| **A.** Mở tệp --> Đọc dữ liệu từ tệp --> Gắn tên tệp với biến tệp --> Đóng tệp. |
| **B.** Mở tệp --> Gắn tên tệp với biến tệp --> Đọc dữ liệu từ tệp --> Đóng tệp. |
| **C.** Gắn tên tệp với biến tệp --> Mở tệp --> Đọc dữ liệu từ tệp --> Đóng tệp. |
| **D.** Gắn tên tệp với biến tệp --> Đọc dữ liệu từ tệp --> Mở tệp --> Đóng tệp. |

**Câu 28:** Trong Pascal, cho trước tệp văn bản **BT2.TXT** chỉ chứa dòng chữ: CHAO MUNG BAN DEN VOI LAP TRINH ngay ở đầu dòng. Thực hiện chương trình **VD\_bt2\_txt** dưới đây, trên màn hình sẽ hiện kết quả nào trong các kết quả cho dưới đây?

*ProgramVD\_bt2\_txt;*

*Uses crt ;*

*Var f : text ;*

*S : string[13] ;*

*Begin*

*Clrscr;*

*Assign(f, ‘BT2.TXT ’) ; Reset(f) ;*

*Read(f, S) ; Write(S) ; Close(f) ;*

*End .*

|  |
| --- |
| **A.** CHAO MUNG BAN DEN VOI LAP TRINH |
| **B.** CHAO MUNG BAN |
| **C.** CHAO MUNG BAN DEN VOI |
| **D.** CHAO MUNG |

**Câu 29: Tệp f có dữ liệu 3 5 7, các giá trị này nằm trên cùng một dòng, để đọc 3 giá trị trên từ tệp f và lưu các giá trị này vào 3 biến x, y, z ta sử dụng câu lệnh nào?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Read(f, x, y, z); | **B.** Read(f, 'x', 'y', 'z'); | **C.** Read(x, y, z); | **D.** Read('x', 'y', 'z'); |

**Câu 30: Trong Pascal, thực hiện chương trình VD\_bt1\_txt dưới đây sẽ ghi kết quả nào trong các kết quả cho dưới đây vào tệp văn bản BT1.TXT ?**

*ProgramVD\_bt1\_txt;*

*Var f : text ;*

*Begin*

*Assign(f, ‘BT1.TXT ’) ; Rewrite(f) ; Write(f, ‘123’ + ‘456’) ; Close(f) ;*

*End .*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 123 + 456 | **B.** 123456 | **C.** 579 | **D.** 123 456 |

**Câu 31: Khẳng định nào sau đây là ĐÚNG về biến cục bộ?**

|  |
| --- |
| **A.** Là biến được dùng trong chương trình con chứa nó và trong chương trình chính. |
| **B.** Là biến chỉ được dùng trong chương trình chính. |
| **C.** Là biến chỉ được dùng trong chương trình con chứa nó. |
| **D.** Chỉ được sử dụng trong chương trình chính và không được sử dụng trong các c.trình con. |

**Câu 32: Mô tả nào dưới đây về hàm là sai?**

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Phải trả lại kết quả | **B.** Phải có tham số |
| **C.** Trong hàm có thể gọi lại chính hàm đó | **D.** Có thể có các biến cục bộ |

**Câu 33: Khai báo nào sau đây là phần đầu của hàm?**

|  |
| --- |
| **A.** Function <tên hàm> [(<danh sách các tham số>)] ; |
| **B.** Function <tên hàm> ; |
| **C.** Function <tên hàm> [(<danh sách các tham số>)] : <kiểu dữ liệu>; |
| **D.** Procedure <tên hàm> [(<danh sách các tham số>)] : <kiểu dữ liệu>; |

**Câu 34: Tham số được khai báo trong thủ tục được gọi là gì?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Biến toàn bộ | **B.** Tham số thực sự | **C.** Biến cục bộ | **D.** Tham số hình thức |

**Câu 35: Trong các chương trình con chuẩn sau đây, lời gọi nào là thủ tục chuẩn?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Sin(x); | **B.** Length(S); | **C.** Sqrt(x); | **D.** Delete(S,5,1); |

**Câu 36: Cho khai báo của một hàm:**

*Function KT( k : Integer) : String ;*

*Begin*

*If k mod 2=0 then KT:=’Chan’ else KT:=’Le’;*

*End;*

**Muốn gán X:= KT(16); thì biến X phải khai báo như thế nào?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Var X: Real; | **B.** Var X: String; | **C.** Var X: Integer; | **D.** Var X : Char; |

**Câu 37: Khi chạy chương trình:**

*Var x : Integer;*

*Procedure T;*

*Begin*

*x:=4; x:= x+5;*

*End;*

*BEGIN*

*x:=0; T; Write(x);*

*END.*

**-Kết quả in ra là gì?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 4 | **B.** 9 | **C.** 5 | **D.** 0 |

**Câu 38: Hãy chọn phát biểu SAI về lợi ích của việc sử dụng chương trình con?**

|  |
| --- |
| **A.** Tránh được việc phải viết đi viết lại nhiều lần cùng 1 dãy lệnh; |
| **B.** Hỗ trợ việc thực hiện các chương trình lớn; |
| **C.** Thuận tiện cho phát triển, nâng cấp chương trình; |
| **D.** Mở rộng khả năng tương tác với người lập trình. |

**Câu 39: Cho đoạn chương trình con sau:**

*Function Tong(x, y: byte): byte;*

*Begin*

*Tong:=x+y;*

*End;*

**Trong chương trình chính, lời gọi hàm nào sau đây là ĐÚNG?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Tong(-4,5); | **B.** Tong(3,4,5); | **C.** Tong(1,-2); | **D.** T:=Tong(5,5); |

**Câu 40: Khai báo nào sau đây là khai báo phần đầu của Thủ tục:**

|  |
| --- |
| **A.** Function< tên thủ tục> [(<danh sách tham số>)] : < kiểu dữ liệu>; |
| **B.** Procedure< tên thủ tục> [(<danh sách tham số>)] : < kiểu dữ liệu>; |
| **C.** Function< tên thủ tục> [(<danh sách tham số>)] : < kiểu dữ liệu>; |
| **D.** Procedure < tên thủ tục> [(<danh sách tham số>)] ; |

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

**1. Viết chương trình nhập dãy số nguyên A (A1, A2,…,AN).**

a. Cho biết số lượng số 0 có trong dãy A.

b. Tính tổng các số lẻ có trong dãy A.

c. Nhập số nguyên dương k. Cho biết tổng các số hạng là bội của k có trong dãy A.

d. Cho biết giá trị lớn nhất của dãy số nguyên A.

**2. Viết chương trình đọc từ tệp DULIEU.TXT 1 xâu kí tự S. Ghi vào tệp KETQUA.TXT:**

a. Số từ có trong xâu S (biết rằng S là một xâu không chứa các dấu cách thừa).

b. Số lượng chữ cái có trong xâu S (kể cả chữ in hoa và in thường).

c. Xâu X gồm các chữ số có trong xâu S.

d. Xâu đảo ngược của xâu S.

------HẾT------